TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/LĐ-ST
Ngày: 26 – 3 – 2026
Về "*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Kỳ Trung.

2. Ông Nguyễn Văn Quốc.

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Tấn Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Phạm Công Thân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST-LĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về "*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-LĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị L. T. H. N, sinh năm 1986; địa chỉ: khu phố G, phường T, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Đ. V. N, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp G, xã P, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản uỷ quyền ngày 03/10/2025) – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty B. B, địa chỉ: Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông D. X. Q, chức danh: Chủ tịch công ty.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà V. T. C. L, sinh năm 1999, chức danh: Nhân viên HCNS (theo văn bản uỷ quyền ngày 15/12/2025) – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị L. T. H. Ng, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp H. H2, xã Đ. H, tỉnh Tây Ninh – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở Trảng Bàng; địa chỉ: Số 03 Lãnh Binh Tòng, khu phố Lộc An, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: bà L. T. H. T, chức vụ: Giám đốc – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – ông Đ. V. N trình bày:**

Năm 2007, chị L. T. H. N cho em ruột là chị L. T. H. Ng mượn giấy chứng minh nhân dân của chị N để làm việc tại Công ty B. B địa chỉ tại Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III thời gian từ tháng 10/2007 đến tháng 3/2010. Trong quá trình làm việc tại Công ty B. B, chị Ng được Công ty đóng bảo hiểm xã hội dưới tên chị N - L. T. H. N với sổ bảo hiểm số 7208004109. Chị Ng làm việc tại Công ty B. B đến tháng 3/2010 thì nghỉ việc. Trong khi đó, tháng 8/2009, chị N làm việc tại Công ty TNHH Â. R (địa chỉ trụ sở: phường Tân Phong, Quận 7, TPHCM nay là phường Tân Hưng, TPHCM) đến tháng 8/2012 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại Công ty Âu Ri Châu Á, chị Nn được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội với sổ bảo hiểm xã hội số 7909239983. Sau khi nghỉ việc tại Công ty Âu Ri Châu Á, chị N đã làm thủ tục hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần xong. Đến tháng 10/2014, chị N làm việc tại Công ty S. W (địa chỉ trụ sở: ấp Đức Ngãi 1, xã Hậu Nghĩa, tỉnh tây Ninh) cho đến tháng 7/2024 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại Công ty Samwoo Việt Nam, chị N được Công ty tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho chị N với sổ bảo hiểm xã hội số 8014028748.

Nay chị N làm thủ tục hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần thì phát hiện bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 10/2007 cho đến tháng 03/2010 dưới một tên là L. T. H. N với 02 sổ bảo hiểm số 7208004109 và số 7909239983. Thực tế, thời gian bị trùng từ tháng 8/2009 đến tháng 3/2010 là khoảng thời gian chị L. T. H. Ng làm việc tại Công ty B. B và được Công ty B. B tham gia bảo hiểm xã hội dưới tên chị N. Do chị N và chị Ng bị trùng thời gian làm việc tại 02 công ty khác nhau nhưng dưới một tên là L. T. H. N nên nay chị N không hưởng chế độ bảo hiểm xã hội được. Vì vậy, nay chị N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị L. T. H. Ng nhưng trên Hợp đồng lao động ghi tên chị N là L. T. H. N và Công ty B. B có thời gian làm việc từ tháng 10/2007 cho đến tháng 3/2010 là vô hiệu đồng thời giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu để khôi phục các quyền và lợi ích hợp pháp của chị N. Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 7208004109 cấp cho chị L. T. H. N do Công ty B. B nộp từ tháng 10/2007 cho đến tháng 3/2010 thành tên L. T. H. Ng. Chị L. T. H. N được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo

Hợp đồng lao động được xác lập giữa chị N với Công ty S. W trong thời gian từ tháng 10/2014 đến tháng 7/2024 theo đúng quy định pháp luật.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn – bà Võ Thị Cẩm Lý trình bày:**

Giữa Công ty B. B và chị L. T. H. N có giao kết hợp đồng lao động nhưng do thời gian đã lâu, công ty chuyển kho lưu trữ tài liệu nên hợp đồng lao động ký kết giữa công ty và chị N đã bị thất lạc. Chị N làm việc tại Công ty B. B thời gian từ tháng 10/2007 cho đến tháng 3/2010 thì nghỉ việc. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội cho chị N thời gian từ tháng 10/2007 cho đến tháng 3/2010 với sổ bảo hiểm xã hội số 7208004109 và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác đúng theo quy định của pháp luật. Công ty không biết việc chị L. T. H. Ng mượn chứng minh nhân dân của chị L. T. H. N để làm việc tại Công ty B. B. Khi tuyển dụng, các tài liệu và thông tin cá nhân do người lao động cung cấp cho công ty và đã được xác nhận của địa phương theo quy định. Nay chị N yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu chỉ nhằm mục đích nhận tiền bảo hiểm và không tranh chấp, yêu cầu liên quan đến các nội dung khác trong hợp đồng thì Công ty đồng ý.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị L. T. H. Ng trình bày:**

Năm 2007, chị Ng muốn đi làm để kiếm thu nhập nhưng chưa có giấy chứng minh nhân dân nên chị đã mượn chứng minh nhân dân của chị N để giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty B. B thời gian từ tháng 10/2007 đến tháng 3/2010 thì nghỉ. Ngoài ra, chị không sử dụng chứng minh nhân dân của chị N vào mục đích nào khác. Trong thời gian làm việc, Công ty B. B đã tham gia bảo hiểm xã hội cho chị Ng từ tháng 10/2007 đến tháng 3/2010 với số sổ bảo hiểm là 7208004109 dưới tên L. T. H. N. Do thời gian đã lâu, chị Ng không còn hợp đồng lao động để cung cấp cho Toà án. Nay chị Ng đồng ý tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Ng đứng dưới tên L. T. H. N với Công ty B. B vô hiệu và yêu cầu Tòa án điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 7208004109 cấp cho chị L. T. H. N do Công ty B. B nộp từ tháng 10/2007 đến tháng 3/2010 thành tên L. T. H. Ng để chị L. T. H. N được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo Hợp đồng lao động được xác lập giữa chị N với Công ty Samwoo Việt Nam theo đúng quy định pháp luật. Sau khi nghỉ việc tại Công ty B. B chị đã lãnh chế độ bảo hiểm xã hội một lần xong nên trong vụ án này chị không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội Cơ sở Trảng Bàng trình bày:**

Kiến nghị Toà án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà L. T. H. Ng (sử dụng Chứng minh nhân dân số 290869165 của bà L. T. H. N, số sổ bảo hiểm xã hội 7208004109) và Công ty B. B vô hiệu. Xem xét điều chỉnh thông tin tham gia Bảo hiểm xã hội trên cơ sở dữ liệu thành L. T. H. Ng.

*** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh**

phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ các điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ Luật Lao động năm 2019; Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số diều của Bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. T. H. N về việc "*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*" đối với Công ty B. B.

Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị L. T. H. Ng nhưng trên Hợp đồng lao động ghi tên L. T. H. N và Công ty B. B có thời gian làm việc từ tháng 10/2007 cho đến tháng 3/2010 là vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị N, chị Ng, Công ty B. B và Bảo hiểm xã hội cơ sở Trảng Bàng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị N khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và yêu cầu điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội nên đây là tranh chấp "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội" được quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty B. B có trụ sở tại Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hợp đồng lao động: chị L. T. H. N khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị L. T. H. N nhưng do chị L. T. H. Ng là người trực tiếp lao động với Công ty B. B là vô hiệu. Chị Ng và Công ty B. B không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Tuy nhiên, tại văn bản số 536/BHXH-TBA ngày 26/02/2026, Bảo hiểm xã hội cơ sở Trảng Bàng cung cấp quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của chị L. T. H. N sinh năm 1986 (sử dụng Căn cước công dân số: 072186008307; Chứng minh nhân dân số: 290869165) với mã số bảo hiểm xã hội như sau:

+ Sổ 7208004109: Họ và tên người tham gia: L. T. H. N, số Chứng minh nhân dân 290869165 (số sổ này đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, chưa hưởng bảo hiểm thất nghiệp) có quá trình tham gia từ tháng 10/2007 đến tháng 3/2010.

+ Sổ 7909239983: Họ và tên người tham gia: L. T. H. N, số Chứng minh nhân dân 290869165 (số sổ này đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, đã hưởng bảo hiểm thất nghiệp) có quá trình tham gia từ tháng 8/2009 đến tháng 5/2011.

+ Sổ 8014028748: Họ và tên người tham gia: L. T. H. N, số Căn cước công dân 072186008307 (số sổ này chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, đã hưởng bảo hiểm thất nghiệp) có quá trình tham gia từ tháng 10/2014 đến tháng 7/2024.

Như vậy, có căn cứ xác đinh, Công ty B. B có tham gia bảo hiểm cho chị L. T. H. N từ tháng 10/2007 đến tháng 3/2010 với sổ bảo hiểm số 7208004109 nên có cơ sở xác định giữa chị L. T. H. N và Công ty B. B có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 10/2007 đến tháng 3/2010.

[3.2] Xét thấy, chị L. T. H. N cho chị L. T. H. Ng mượn chứng minh nhân dân mang tên L. T. H. N để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2007 đến tháng 3/2010 tại Công ty B. B theo sổ bảo hiểm xã hội số 7208004109. Trong khi đó, từ tháng 8/2009 chị N trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH Âu Ri Châu Á và được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội cho chị với số sổ bảo hiểm xã hội là 7909239983.

Như vậy, có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 8/2009 thì người lao động mang tên L. T. H. N cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty B. B và Công ty TNHH Âu Ri Châu Á.

Do đó, việc chị L. T. H. Ng tham gia trực tiếp lao động với Công ty B. B nhưng ký hợp đồng lao động với tên người lao động là L. T. H. N là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007),

vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội. Vì vậy, hợp đồng lao động giữa chị L. T. H. N với Công ty B. B bị vô hiệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật lao động.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của chị L. T. H. N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.3] Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên L. T. H. N trên Sổ bảo hiểm xã hội số 7208004109 trong giai đoạn từ tháng 10/2007 cho đến tháng 3/2010 tại Công ty B. B thành tên L. T. H. Ng.

[4] Chị L. T. H. Ng, Công ty B. B không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ghi nhận chị L. T. H. N tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 16, Điều 18, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. T. H. N về việc: "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội" đối với Công ty B. B.

1.1. Tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập giữa chị L. T. H. Ng (nhưng sử dụng thông tin của chị L. T. H. N để giao kết hợp đồng) với Công ty B. B trong thời gian từ tháng 10/2007 cho đến tháng 3/2010 vô hiệu.

1.2. Điều chỉnh tên L. T. H. N trên sổ bảo hiểm xã hội số 7208004109 trong khoảng thời gian từ tháng tháng 10/2007 cho đến tháng 3/2010 thành tên L. T. H. Ng.

Chị L. T. H. N và chị L. T. H. Ng được quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 7208004109 từ tên L. T. H. N thành tên L. T. H. Ng.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: chị L. T. H. N tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007890 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí lao động sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 12 – Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Phạm Thị Yến